

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TD2+AMD	7:25	19+3+0	0+0+0		15+3+4	0+0+0	
2		BK9+TD2	7:25	2+20	0+0		0+21	0+0	
3		PPD+CIO+RP2	7:25	3+15+4	0+0+0		2+14+6	0+0+0	
4		BK16+JS2+P4	9:25	4+1+17	0+0+0		0+2+20	0+0+0	CHUYỂN 3 PAX TỪ JS2-P4
5		PPD+RC4+RCDM	9:25	13+4+5	0+0+0		12+1+6	0+0+0	
6		VSP02+RP3	9:25	3+16	0+0		0+22	0+0	
7		P1+P4+PVD2	11:25	4+15+3	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
8		PPD+VSP01+P9	11:25	21+0+1	0+0+0		2+8+10	0+0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/10/2018	TO: TD1 - TD2 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HUNG - Hoi - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1					65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN DÙNG	TD1	40	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM HOA VIỆT	TD1	45-46	2	7		67	YTE	Vietnamese
4	TRẦN QUANG UT	TD1	54-55	2	17	40	65	NHA THAU	Vietnamese
5	VŨ ANH HIỆU	TD1	52	1	15		60	NHA THAU	Vietnamese
6	DHAVAL GUPTA	TD1	58-59	2	17		105	NHA THAU	Indian
7	TÔNG VĂN THE	TD1	56-57	2	10		73	NHA THAU	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN NAM	TD1	42	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	53	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LĂNG	TD1	41	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ QUỐC BẢO	TD1	43	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1					65	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG ANH TUÂN	TD1	44	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG VIỆT LINH	TD1	51	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	47	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	HÀ THANH TÙNG	TD1	49	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
17	TRỊNH CAO TRỌNG	TD1	48	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	60	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	MAI HAI LONG	TD1	50	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
20	POROMARENKO	TD2	84	1	5		105	KHOAN	Russian
21	ĐO XUAN VANG*TT	TD2				40	75	KHOAN	Vietnamese
22	BUI THO DUONG	TD2	85-86	2	10		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	21	126	1.369	40	15		
2	TD2	3	3	15	245	40	3		
3	AMD	0	0	0	0	5	4		
TOTAL		22	24	141	1.614	85	22		
WEIGHT KG				141	1.614	85			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/10/2018	TO: BK9 - TD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Cương - KHẢI - TDUNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG HUU THUAN	BK9	89	1	5	14	65	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN HUY HOANG	BK9	70	1	10	110	70	CODIEN	Vietnamese
3	PHAN VAN DIỆP	TD2					84	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC HA TRUNG	TD2	70	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH QUOC KHANH	TD2	66	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DAI DUONG	TD2	55	1	5		77	GETRACO	Vietnamese
7	TRAN XUAN UYEN	TD2	57	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC KHANH	TD2	69	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH VAN HUÂN	TD2	56	1	5	15	77	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ VĂN THUY	TD2	58	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG THỰC	TD2	59	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN NAM	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH DUY HAI	TD2	68	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
14	BABUSHEV	TD2	67	1	8		93	ANTOAN	Russian
15	LE SY ĐỨC	TD2	62-63	2	10		65	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG THIỆU	TD2	60-61	2	12		73	ANTOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN NGHĨA	TD2	72-73	2	15		83	DVL	Vietnamese
18	VŨ XUAN CANH	TD2	64	1	10		68	DVL	Vietnamese
19	ĐẶNG TRONG THỨC	TD2	71	1	5		75	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN ĐỨC LONG	TD2	65	1	11		54	DVL	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN LAN	TD2	54	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
22	BUI VAN THANG	TD2	53	1	5		68	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

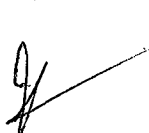
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	2	2	15	135	124	0		
2	TD2	20	21	136	1.449	15	21		
TOTAL		22	23	151	1.584	139	21		
WEIGHT KG				151	1.584	139			

GRAND TOAL: 1.874 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/10/2018	TO: PPD - CLO - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - Vũ	ETA: 09:15
CAM-1			

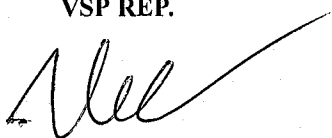
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	62	1	3	20	68	KHI	Vietnamese
2	LÊ VĂN LONG	PPD	63	1	2		73	KHI	Vietnamese
3	HOÀNG MINH HIẾU	PPD	64	1	3		69	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH SAN	CLO	60	1	5	30	85	KHOAN	Vietnamese
5	KIRICHENKO K.P	CLO	58	1	5		80	KHOAN	Russian
6	VUÔNG NGỌC HOÀN	CLO	68	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN CÔNG PHU	CLO	65	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN VIỆT HÙNG	CLO	66	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ THÈ NANG	CLO	62	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG KIM DUƠNG	CLO	61	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	64	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	63	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ VĂN LONG	CLO					67	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN KIM HÙNG	CLO	59	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TAM	CLO	67	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
16	BUI TRẦN NAM	CLO	76-77	2	18		65	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG TUẤN ANH	CLO	70	1	6	125	84	CODIEN	Vietnamese
18	LAM NHẬT MINH	CLO	69	1	11		62	CODIEN	Vietnamese
19	ĐINH MAI THIÊN	RP2	95-96	2	18	2	71	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	RP2	97	1	10		55	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	RP2	92-93	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
22	BUI VĂN DUNG	RP2	94	1	20		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	3	3	8	210	20	2		
2	CLO	15	15	92	1.078	155	14		
3	RP2	4	6	66	265	2	6		
TOTAL		22	24	166	1.553	177	22		
WEIGHT KG				166	1.553	177			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/10/2018	TO: BK16 - JS2 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HÙNG - Hồi - Luy	ETA: 11:20
trang-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH DŨNG	BK16	23	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH TIỀN	BK16	21-22	2	10		62	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC TÍNH	BK16	19-20	2	15	18	60	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ ĐÌNH TÂM	BK16	24	1	10	35	75	XAYLAP	Vietnamese
5	MITTAL ANKUR	JS2	73-74	2	15	32	80	KH-THAC	Indian
6	TRẦN VĂN SANG	P4	21	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	P4	19-20	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐỖ XUÂN HIỆP	P4	31	1	17		75	XAYLAP	Vietnamese
9	KHUDAEV	P4	25	1	10		72	XAYLAP	Russian
10	LÊ QUANG HÙNG	P4	16	1	13		75	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN PHI BĂNG	P4	12	1	10	15	65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	P4	17	1	17	15	65	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ HỒNG DUONG	P4	27-28	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HÀ	P4	18	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN HỒNG TÂM	P4	23-24	2	14		59	KHI	Vietnamese
16	KOLECHIK A.IO	P4	26	1	6		102	KHI	Russian
17	TRƯƠNG THANH GIÁP	P4	32	1	5		77	KHI	Vietnamese
18	PHẠM TRẠI	P4	30	1	5		72	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	29	1	7		65	KHI	Vietnamese
20	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	22	1	3		77	KHI	Vietnamese
21	TÀ XUÂN HIỆU	P4	33	1	5		64	KHI	Vietnamese
22	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	14-15	2	10		77	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	4	6	45	266	53	0		CHUYỂN 3 PAX JS2 SANG P4
2	JS2	1	2	15	80	32	2	3	
3	P4	17	21	175	1.203	30	20		
TOTAL		22	29	235	1.549	115	22		
WEIGHT KG				235	1.549	115			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/10/2018	TO: PPD - RC4 - RCDM	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Cương - KHẢI - TDUNG	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HAI QUANG	PPD	75	1	5		76	KHI	Vietnamese
2	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	77-78	2	10		70	KHI	Vietnamese
3	VŨ THANH BÌNH	PPD	74	1	5		78	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VĂN NAM	PPD	66	1	5		64	KHI	Vietnamese
5	TRẦN LÊ RANG	PPD	69	1	8	25	83	KHI	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN THANH	PPD	68	1	4		84	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG HIẾN	PPD	70	1	4	35	65	KHI	Vietnamese
8	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	71	1	5		64	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THANH	PPD	67	1	5		55	KHI	Vietnamese
10	PHÙNG VĂN CHÍNH	PPD	72	1	5		72	KHI	Vietnamese
11	BUI THANH	PPD	73	1	5		62	KHI	Vietnamese
12	LUƠNG NGỌC THANH	PPD	76	1	5		97	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY SƠN	PPD					78	KHI	Vietnamese
14	TRƯƠNG QUYẾT THĂNG	RC4	49	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
15	LAI ANH TUÂN	RC4	53	1	12		95	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN DUY KHANH	RC4	54-55	2	13	20	80	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ TRỌNG NHIÊN	RC4	50,52	2	10		50	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI NGỌC LONG	RCDM	24	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HỒNG QUY	RCDM	22	1	10		68	DVL	Vietnamese
20	PHẠM VĂN SANG	RCDM	23	1	10		67	DVL	Vietnamese
21	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	RCDM	21	1	12		74	DVL	Vietnamese
22	PHẠM VĂN CƯỜNG	RCDM	19-20	2	13		84	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	13	66	948	60	12		
2	RC4	4	6	45	303	20	1		
3	RCDM	5	6	50	358	0	6		
TOTAL		22	25	161	1.609	80	19		
WEIGHT KG				161	1.609	80			

GRAND TOTAL: 1.850 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/10/2018	TO: VSP02 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - Vũ	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM NGUYEN NGOC TUNG	VSP02	33-34	2	12	13	56	VPI-CPSE	Vietnamese
2	VUONG THI NGA	VSP02	32	1	4	64	55	VCNSH	Vietnamese
3	NGUYEN THANH BINH	VSP02	35	1	8		62	VCNSH	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN SANG	RP3	95-96	2	10		60	KHI	Vietnamese
5	TRAN VAN SEN	RP3	89	1	5		74	KHI	Vietnamese
6	BUI VAN HUNG	RP3					73	KHI	Vietnamese
7	HOANG CONG QUAN	RP3	94	1	5		88	KHI	Vietnamese
8	DUONG HONG QUAN	RP3				28	74	KHI	Vietnamese
9	PHAM VAN KY	RP3	86	1	4		65	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TUNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
11	PHAM BINH NAM	RP3	85	1	5		64	KHI	Vietnamese
12	LAI VAN MINH	RP3	90	1	6		64	KHI	Vietnamese
13	TA PHI KHANH	RP3					71	KHI	Vietnamese
14	TO VIET HUNG	RP3	93	1	6	18	65	KHI	Vietnamese
15	KIEU THI QUYNH HOA	RP3	98-99	2	13		65	VCNSH	Vietnamese
16	NGUYEN THI YEN	RP3	97	1	6	77	47	VCNSH	Vietnamese
17	LE TRONG LINH	RP3	88	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN BA MAU	RP3	87	1	4		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	3	4	24	173	77	0		
2	RP3	15	13	68	1.020	123	22		
TOTAL		18	17	92	1.193	200	22		
WEIGHT KG				92	1.193	200			

GRAND TOAL: 1.485 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/10/2018	TO: P1 - P4 - PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - Luy	ETA: 13:30
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGỌC TỬ	P1	38	1	8	50	69	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ BA THUẬN	P1	37	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ MINH ĐỨC	P1	40	1	7	31	90	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN TIẾP	P1	39	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH CANG	P4	51	1	6		75	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	50	1	5		67	KHI	Vietnamese
7	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	46	1	6		60	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT NGOC	P4	53	1	6		63	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	P4	52	1	3		75	KHI	Vietnamese
10	LÊ QUANG VINH	P4	49	1	9		63	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH DUNG	P4	54	1	9	18	80	KHI	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC TOÀN	P4	41-42	2	14	20	62	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN ĐE	P4	38-39	2	17		48	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN TRẦN VINH	P4	47-48	2	14		58	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ CÔNG NAM	P4	35-36	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU TOÀN	P4	37	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐOÀN XUÂN DƯƠNG	P4	40	1	9		62	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN HỒNG THANH	P4	43	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ HOANG TIẾN	P4	44-45	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ HOÀI THIÊN	PVD2	74	1	13		73	DVL	Vietnamese
21	VŨ ĐÌNH TUÂN	PVD2	73	1	12		82	DVL	Vietnamese
22	BÙI HUY BĂNG	PVD2	72	1	10		63	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

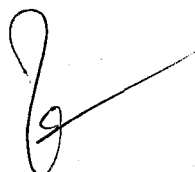
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	4	4	39	301	81	0		
2	P4	15	20	151	983	38	13		
3	PVD2	3	3	35	218	0	9		
TOTAL		22	27	225	1.502	119	22		
WEIGHT KG				225	1.502	119			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

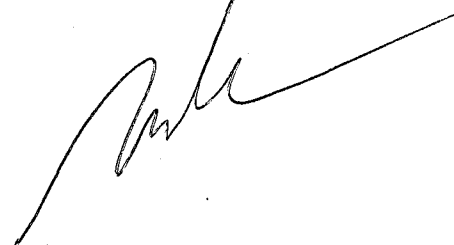
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/10/2018	TO: PPD - VSP01 - P9	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - Vũ	ETA: 13:35
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH TÀI	PPD	86	1	3	20	70	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	PPD	93	1	4		71	KHI	Vietnamese
3	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD					86	KHI	Vietnamese
4	VŨ NGỌC TUẤN	PPD	07	1	6	16	81	KHI	Vietnamese
5	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	88	1	7		86	KHI	Vietnamese
6	LÊ THANH TRUNG	PPD	99	1	4		64	KHI	Vietnamese
7	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	900	1	7		62	KHI	Vietnamese
8	BUI ĐĂNG TIỀN	PPD	87	1	12		72	KHI	Vietnamese
9	VŨ ĐỨC HOÀNG	PPD	95	1	5		66	KHI	Vietnamese
10	HUYNH QUỐC HUY	PPD	03-04	2	11		80	KHI	Vietnamese
11	MAI NGỌC THẮNG	PPD	05-06	2	10		60	KHI	Vietnamese
12	PHAN KHANH NAM	PPD	91-92	2	13		77	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN NHẬT BANG	PPD	89-90	2	12		75	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SANG	PPD	01-02	2	10	30	67	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	97	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN VINH	PPD	98	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ANH QUANG	PPD	83	1	10		78	CODIEN	Vietnamese
18	LÊ THANH HIỆU	PPD	85	1	8		69	CODIEN	Vietnamese
19	ĐO ĐỨC ANH	PPD	84	1	10		78	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN BẦU	PPD	96	1	6		60	ANTOAN	Vietnamese
21	LÊ TUNG LAM	PPD	94	1	6		60	PSV	Vietnamese
22	HA HUY SƠN	P9	35	1	8	40	50	PVC-PT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	25	157	1.502	66	2		
2	VSP01	0	0	0	0	16	10		
3	P9	1	1	8	50	40	8		
TOTAL		22	26	165	1.552	122	20		
WEIGHT KG				165	1.552	122			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TD5	7:25	1+16	0+0		0+16	0+0	
2		TD3+TD2+JS2	7:25	10+11+1	0+0+0		9+12+0	0+0+0	
3		TD3+BK5+BK4	9:25	20+0+0	0+0+0		5+0+0	0+0+0	1 người p2 về qua td3CHUYỂN 8 PAX TỪ BK5- BK4

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/10/2018	TO: TD5 - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN PHONG	TD5	30	1	3	55	70	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG XUAN THI	TD5	33	1	7	20	72	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM VAN HUONG	TD5	29	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
4	LUONG MINH PHUNG	TD5	34-35	2	14		62	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH HOANG KHANH	TD5	26	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN NGOC LINH	TD5	28	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
7	NGO QUOC BAO	TD5	32	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TAT THANH	TD5	27	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
9	HO VAN TIEN	TD5	37	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN SY LE	TD5	25	1	6		61	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THANH CONG	TD5	24	1	3		86	KHOAN	Vietnamese
12	BUI TAN BINH	TD5	38	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN DIU	TD5	36	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VIET DUNG	TD5	44	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
15	DO VINH CUONG	TD5	42	1	11		75	KHOAN	Vietnamese
16	VO SI HOAI THANH	TD5	31	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
17	KLUZHEV R.V	TD1	63	1	4		112	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	16	17	84	1.126	75	16		
2	TD1	1	1	4	112	0	0		
TOTAL		17	18	88	1.238	75	16		
WEIGHT KG				88	1.238	75			

GRAND TOAL: 1.401 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/10/2018	TO: TD3 - TD2 - JS2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hòì - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRỌNG TUYỀN	TD3	10	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
2	FILIPPOV NIKOLAY	TD3					85	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	13	1	5	10	75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	08	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD3	11	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
7	BUI VĂN NGHĨA	TD3	07	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ SỸ HÙNG	TD3	12	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC DŨNG	TD3	09	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ TỰ HỢP	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
11	BUI VĂN CHINH	TD2	81	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN LỢI	TD2	84-85	2	10	25	72	YTE	Vietnamese
13	LÝ ANH TUÂN	TD2	80	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH TUÂN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
15	CAO ĐÌNH THANH	TD2	77	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN ĐÀO	TD2	76	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
17	BUI NGỌC ĐỎ	TD2	79	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN CƯỜNG	TD2	75	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG ĐÌNH THẮNG	TD2	83	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
20	VU XUÂN TRƯỞNG	TD2	78	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ THANH TỰ	TD2	82	1	6		70	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN TUÂN ANH	JS2	33-34	2	15	70	65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	7	31	731	10	9		
2	TD2	11	11	52	765	25	12		
3	JS2	1	2	15	65	70	0		
TOTAL		22	20	98	1.561	105	21		
WEIGHT KG				98	1.561	105			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/10/2018	TO: TD3 - BK5 - BK4	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT THẮNG	TD3	31	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
2	BUI ANH TÚ	TD3	52	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH TIẾN	TD3	50	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
4	NGÔ VĂN SƠN	TD3	40	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN LỘC	TD3	41	1	11		82	KHOAN	Vietnamese
6	ĐOÀN BÙI TÂM	TD3	42	1	10		105	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	TD3	39	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHÚC	TD3	38	1	12	34	68	NHA THAU	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY QUANG	TD3	43	1	13	7	73	NHA THAU	Vietnamese
10	TRẦN QUANG KÝ	TD3	53-54	2	14		60	NHA THAU	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG LONG	TD3	49	1	9		60	NHA THAU	Vietnamese
12	LÊ XUÂN TUNG	TD3	30	1	10		65	ANTOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN GIANG	TD3	48	1	7		67	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD3	51	1	7		57	DVL	Vietnamese
15	DO VĂN BÌNH	TD3	32	1	4		61	LILAMA	Vietnamese
16	NGUYỄN HUU HANH	TD3	33	1	4		60	LILAMA	Vietnamese
17	BACH DINH QUAN	TD3	36	1	5		55	LILAMA	Vietnamese
18	LÊ VĂN THU	TD3	34	1	3		68	LILAMA	Vietnamese
19	LÊ VIỆT TRUNG	TD3	35	1	5		60	LILAMA	Vietnamese
20	NGUYỄN HUU HUY	TD3	37	1	5		74	LILAMA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	20	21	157	1.403	41	5		CHUYEN 8 pax BK5 SANG BK4
2	BK5	0	0	0	0	0	0	8	
3	BK4	0	0	0	0	30	0		
TOTAL		20	21	157	1.403	71	5		
WEIGHT KG				157	1.403	71			

GRAND TOAL: 1.631 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	P4+TD3+BK3	7:25	6+16+0	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
2	406	TD5+P6+TD2	9:25	17+4+1	0+0+0		15+0+0	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/10/2018	TO: P4 - TD3 - BK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐTuấn - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO TRỌNG TÂM	P4	59	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAN QUY DŨNG	P4	62	1	13	20	64	XAYLAP	Vietnamese
3	PHUNG THE TAI	P4	63-64	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN MINH HUNG	P4	58	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG TUAN	P4	65-66	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN THANH NAM	P4	60-61	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
7	OLEYNIK IVAN	TD3	64	1	3		71	KHOAN	Russian
8	NGUYEN TRUNG HOA	TD3	67-68	2	12		66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TUNG	TD3	72-73	2	17		65	YTE	Vietnamese
10	NGUYEN NAM CUONG	TD3	62	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN HUU THO	TD3	69	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN MANH HUNG	TD3	66	1	5	25	70	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO DUY CHINH	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG PHAM NGOC VU	TD3					95	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN THANG LOI	TD3					62	KHOAN	Vietnamese
16	VU LONG PHI	TD3	71	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM HAI ĐANG	TD3	58	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
18	KODZOIEV M.M	TD3	63	1	14		94	KHOAN	Russian
19	ĐANG CONG THINH	TD3	70	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG MAO	TD3	65	1	15		80	NHA THAU	Vietnamese
21	NGUYEN DINH THANH HAI	TD3	60-61	2	18		60	NHA THAU	Vietnamese
22	TRUONG MINH KHANH	TD3	59	1	10		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	6	9	96	411	20	0		
2	TD3	16	16	132	1.189	25	14		
3	BK3	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	25	228	1.600	45	22		
WEIGHT KG				228	1.600	45			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

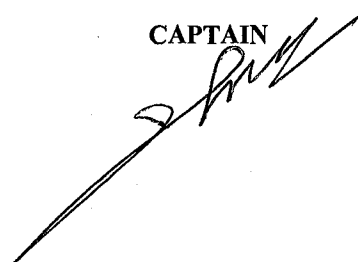
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2018	TO: TD5 - P6 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐTuấn - THỤ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN DUNG	TD5	51	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN NHU Y	TD5	50	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
3	LE VIET THANG	TD5	57	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
4	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	53	1	7	40	88	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN HIEN	TD5	47	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUY KHANH	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
7	VI HUNG CUONG	TD5	54	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN ANH	TD5	56	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HUU LOC	TD5	55	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN MINH HIEU	TD5	48	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
11	LE THANH LAM	TD5	52	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN HANH	TD5	58	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN NGHIA	TD5	46	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MANH CUONG	TD5	45	1	8		55	KHOAN	Vietnamese
15	VU HUU KE	TD5	59-60	2	15		82	KHOAN	Vietnamese
16	HA KHUONG DUY	TD5	61-62	2	16		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG LONG	TD5	49	1	4		72	PSV	Vietnamese
18	LUONG ANH VU	P6	65-66	2	12	47	65	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN KHAC THONG	P6	67	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC SON	P6	71	1	5		80	GETRACO	Vietnamese
21	PHAM DUY TUNG	P6	63-64	2	14		67	BA SON	Vietnamese
22	LE DUC THO	TD2	14	1	5		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	17	18	120	1.244	40	15		
2	P6	4	6	37	282	47	0		
3	TD2	1	1	5	75	0	0		
TOTAL		22	25	162	1.601	87	15		
WEIGHT KG				162	1.601	87			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN